

Bản án số: 20/2024/DS-ST

Ngày: 18 – 9 – 2024.

“V/v đòi lại tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT N**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TỨ KỲ, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Mỹ Như

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tuấn.
2. Ông Nguyễn Văn Chiu.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hùng - Thư ký TAND huyện Tứ Kỳ.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tứ Kỳ tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Khánh - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 9 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 05/2024/TLST-DS ngày 19 tháng 01 năm 2024. về việc “Đòi lại tài sản”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2024/QĐST-DS ngày 19 tháng 7 năm 2024, Quyết định hoãn phiên tòa số 33/2024/QĐST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 37/2024/QĐST-DS ngày 20 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Phan Văn N , sinh năm 198x; Địa chỉ: Thôn A, xã T, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

- Bị đơn: Anh Lương Xuân H , sinh năm 197x; Địa chỉ: Thôn Đ, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Tô Trung K, sinh năm 197x, trú tại Thôn L, xã H, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

2. Chị Đào Thị L, sinh năm 198x; Địa chỉ: Thôn Đ, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.

Người đại diện ủy quyền của chị Đào Thị L là anh Phan Văn N , sinh năm 1980; Địa chỉ: Thôn Thôn Đ, xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương.(Văn bản ủy quyền ngày 27/8/2024).

(Anh N có mặt, anh H và anh K vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai cùng các tài liệu khác có trong hồ sơ, nguyên đơn anh Phan Văn N trình bày:

Ngày 28/12/2022, anh Phan Văn N và anh Lương Xuân H có làm hợp đồng chung tài sản là 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3, trị giá là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng). Máy xúc có nguồn gốc là sở hữu chung của anh H và anh Nguyễn Văn T. Anh Nguyễn Văn T bán lại $\frac{1}{2}$ giá trị máy cho anh N là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và N đã trả đủ tiền cho anh Tùng để xác lập hợp đồng mua chung máy với anh H ngày 28/12/2022. Sau khi lập xong hợp đồng, anh và anh H có thuê người lái máy làm thực hiện 01 công trình ở xã C, huyện TK và 01 công trình ở thành phố CL, mỗi công trình là 15 ngày, tổng giá trị thu lợi từ 02 công trình là 38.000.000đồng. Sau đó, anh H tự thuê người lái máy đi làm 01 công trình ở CL khoảng 03 tháng nhưng không cho anh biết, cũng không thanh toán tiền cho anh. Do mâu thuẫn nên giữa anh và anh H có thống nhất mang máy về bãi ở GL để rao bán nhưng anh H không thực hiện mà tự ý mang máy đi thực hiện công trình khác, đến nay anh N không biết anh H mang máy đi đâu. Nhiều lần anh liên lạc với anh H nhưng không được. Anh N khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc anh H phải trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc máy xúc số tiền là 150.000.000đồng. Trong quá trình tòa án giải quyết vụ án, anh và anh H có gặp nhau để thỏa thuận thống nhất xác định giá trị còn lại của máy xúc là 250.000.000đồng, anh H đồng ý hoàn trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản, tương đương số tiền là 125.000.000đồng, anh H có 02 lần chuyển tiền vào số tài khoản của chị L (vợ của anh N) tổng số tiền là 17.000.000đồng. Nay anh N yêu cầu anh H phải hoàn trả cho anh số tiền của $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là 108.000.000đồng. Anh N thống nhất anh H tiếp tục quản lý, sử dụng tài sản.

Ngoài ra, trong quá trình anh và anh H sử dụng máy, có một lần máy bị hư hỏng và sửa chữa với số tiền là 18.000.000đồng và tiền thuê người lái máy để làm công trình là 15.000.000đồng. Tổng số tiền là 33.000.000đồng, mỗi người 16.500.000đồng. Số tiền này anh và anh H đã giải quyết với nhau. Anh N không yêu cầu xem xét. Đồng thời anh N không yêu cầu gì đối với anh Tùng vì giữa anh và anh Tùng đã thỏa thuận và thống nhất, anh Tùng không liên quan gì trong vụ án. Việc anh K có hùn vốn với anh H để mua máy hay không thì anh N không biết, không có ghi nhận trong hợp đồng. Anh N chỉ yêu cầu anh H, không yêu cầu gì đối với anh K.

Theo các bản tự khai, biên bản lấy lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn, anh Lương Xuân H trình bày: Nguồn gốc của chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3 là của anh mua ngày 10/3/2022, không có giấy tờ. Khi mua máy, anh Tô Trung K, sinh năm 1979, trú tại Thôn L, xã H, huyện TK, tỉnh Hải Dương góp vốn số tiền là 90.000.000đồng. Giá mua máy là 380.000.000đồng. Sau khi mua máy, anh chuyển nhượng một phần giá trị cho anh Nguyễn Văn T, ở cùng thôn (T là cháu của anh H) $\frac{1}{2}$ giá trị máy là 190.000.000đồng, anh T có trả lại cho anh số tiền 190.000.000đồng để đồng sở

hữu máy với anh. Ngày 28/12/2022, anh Nguyễn Văn T chuyển nhượng lại $\frac{1}{2}$ giá trị máy xúc đồng sở hữu với anh cho anh Phan Văn N giá 150.000.000đồng. Nên giữa anh H và anh N có làm hợp đồng mua chung máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3, số tiền là 300.000.000đồng (ba trăm triệu đồng), xác định anh N có quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản nêu trên. Sau khi lập xong hợp đồng, anh và anh N có thuê người lái máy làm thực hiện 01 công trình ở xã CL, huyện TK và 01 công trình ở thành phố CL, mỗi công trình là 15 ngày thu được 38.000.000đồng. Sau đó máy hư hỏng không thực hiện thêm được công trình nào khác. Trong quá trình vận hành máy, tại công trình ở Chí Linh, do máy bị hư hỏng, anh H có thông báo qua tin nhắn, gọi điện thoại cho anh N nhưng anh N không lên công trình để xem xét. Anh đã bỏ tiền ra sửa chữa là 34.000.000đồng. Sau đó, anh và anh N có bàn bạc, thống nhất cùng nhau thuê xe đưa máy về bãi ở GL để nhờ bán hộ nhưng vẫn không bán được. Đến ngày 15/11/2023 anh thuê xe đưa máy về Gia Lâm để bán nhưng anh không thông báo với anh N. Hiện nay anh đang quản lý chiếc máy nêu trên. Nay anh chỉ thống nhất trả lại cho anh N số tiền 90.000.000đồng vì giá trị máy giảm, không còn như lúc mua.

Trong quá trình giải quyết vụ án, tại bản tường trình ngày 05/8/2024, anh H trình bày anh và anh N thỏa thuận anh hoàn trả lại cho anh N $\frac{1}{2}$ giá trị máy với số tiền là 125.000.000 đồng và anh nhận tài sản để sử dụng nhưng đến nay anh chỉ thanh toán được cho anh N 17.000.000đồng. Anh mong muốn anh N tạo điều kiện để anh hoàn trả lại số tiền còn lại cho anh N. Đối với anh K, anh H và anh K tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, anh Tô Trung K trình bày: Anh với anh H là bạn bè làm ăn với nhau. Vào năm 2022, anh, anh H và anh T có hùn nhau mua máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3, giấy tờ do anh H đứng tên quyền sử hữu. Anh hùn số tiền là 90.000.000đồng chỉ thỏa thuận lời nói. Sau này phần anh Nguyễn Văn T chuyển nhượng lại $\frac{1}{2}$ giá trị máy xúc cho anh Phan Văn N giá 150.000.000đồng. Việc anh có hùn vốn mua máy thì anh H có nói cho anh N biết. Anh T hiện tại đi nước ngoài. Máy xúc anh H quản lý và sử dụng. Anh K không sử dụng máy, cũng không biết hiện tại anh H mang máy đi đâu và khai thác như thế nào. Đối với yêu cầu khởi kiện của anh N, anh cũng mong muốn là anh H thực hiện thỏa thuận và thanh toán lại tiền máy xúc cho anh N. Trường hợp Tòa án giải quyết tranh chấp giữa anh N và anh H, anh thống nhất giao máy xúc cho anh H tiếp tục quản lý và sử dụng. Anh không yêu cầu giải quyết phần tiền anh góp cho anh H mua máy trong vụ án này, trường hợp có tranh chấp thì anh và anh H giải quyết bằng một vụ án khác.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên nội dung ý kiến trình bày, xác định yêu cầu anh H phải hoàn trả cho anh số tiền của $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản còn lại là 108.000.000đồng, anh thống nhất giao phần tài sản của anh cho anh H sử dụng; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm

Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và việc chấp hành pháp luật của các đương sự. Về việc giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 164, 166, 207, 208, 209 Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định vềán phí và lệ phí Tòa án, giải quyết vụ án như sau: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Phan Văn N : Xác định chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3 là tài sản chung của anh Lương Xuân H và anh Phan Văn N . Giá trị còn lại của tài sản là 250.000.000đồng. Anh Lương Xuân H và anh Phan Văn N mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản tương đương với giá trị là 125.000.000đồng. Anh Lương Xuân H có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Phan Văn N $\frac{1}{2}$ tài sản chung tương đương với số tiền là 125.000.000đồng, trừ vào số tiền anh N đã nhận 17.000.000đồng. Như vậy, anh H còn phải hoàn trả lại cho anh N số tiền là 108.000.000đồng. Anh Lương Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra công khai tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án xác định tranh chấp giữa các đương sự là “Tranh chấp đòi lại tài sản”, bị đơn có địa chỉ tại xã NK, huyện TK, tỉnh Hải Dương nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương theo quy định tại khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Đồng thời, bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Căn cứ lời trình bày của nguyên đơn và bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ thể hiện: Nguồn gốc tài sản là chiếc máy xúc hiện nhãn hiệu HITACHI 200 – 3 là của anh H, giá trị là 380.000.000đồng. Sau khi mua máy, anh H chuyển nhượng $\frac{1}{2}$ giá trị máy số tiền 190.000.000đồng cho anh Nguyễn Văn T, ở cùng thôn, anh T có trả lại cho anh số tiền 190.000.000đồng để đồng sở hữu máy với anh. Ngày 28/12/2022, anh Nguyễn Văn T chuyển nhượng lại $\frac{1}{2}$ giá trị máy xúc tương đương với số tiền 150.000.000đồng cho anh Phan Văn N, anh N đã trả tiền xong cho anh T và làm hợp đồng mua chung tài sản là 01 chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3, số tiền là 300.000.000đồng (Ba trăm triệu đồng) với anh H. Như vậy, căn cứ vào hợp đồng mua chung máy ngày 28/12/2022 được lập giữa anh N và anh H đã đủ

căn cứ xác định chiếc máy xúc hiện nhãn hiệu HITACHI 200 – 3 là tài sản chung của anh N và anh H theo quy định tại Điều 207, 208, 209 của Bộ luật dân sự.

[2.2] Về quản lý, sử dụng tài sản: Căn cứ vào hợp đồng được xác lập ngày 28/12/2022 giữa anh H và anh N và căn cứ vào lời trình bày của đương sự xác định tài sản là có thật, các bên cùng nhau sử dụng. Sau đó anh H là người trực tiếp quản lý và sử dụng tài sản. Tuy nhiên, do mâu thuẫn trong quá trình sử dụng dẫn đến tranh chấp và hiện nay tài sản đang tranh chấp do bị đơn đang quản lý, sử dụng.

[2.3] Xét về giá trị còn lại của tài sản chung cũng như xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy: trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã yêu cầu các đương sự cung cấp nơi gửi giữ tài sản hoặc mang tài sản về để Tòa án thực hiện thủ tục xác định giá trị tài sản trên thực tế. Nhưng nguyên đơn chỉ cung cấp được hình ảnh của tài sản và bị đơn cũng không cung cấp các giấy tờ có liên quan đến tài sản đang tranh chấp. Tại biên bản lấy lời khai ngày 26/4/2024, anh N trình bày anh và anh H thống nhất thỏa thuận giá trị chiếc máy xúc là 250.000.000đồng và anh H có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh N $\frac{1}{2}$ giá trị chiếc máy với số tiền là 125.000.000đồng để được sử dụng phần tài sản của anh N và anh H là người nhận máy và sử dụng vì tài sản này hiện nay anh H đang quản lý và sử dụng. Lời trình bày của anh N được anh H thừa nhận tại tờ tường trình ngày 26/7/2024 và sự thỏa thuận về giá trị còn lại của tài sản là do các đương sự tự nguyện thống nhất xác định nên Hội đồng xét xử ghi nhận và xác nhận giá trị còn lại của tài sản tranh chấp là 250.000.000đồng. Bên cạnh đó, anh N cũng thừa nhận anh H có chuyển trả cho anh số tiền là 17.000.000đồng. Tại phiên tòa, anh N cũng nhất trí giá trị còn lại của chiếc máy xúc là 250.000.000đồng, anh N được quyền sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản tương đương 125.000.000đồng, anh H sở hữu $\frac{1}{2}$ giá trị là 125.000.000đồng. Anh N thống nhất giao phần tài sản của anh N cho anh H sử dụng và anh N yêu cầu anh H phải hoàn trả lại cho anh $\frac{1}{2}$ giá trị máy là 125.000.000đồng, trừ vào số tiền anh N đã nhận là 17.000.000đồng, còn lại 108.000.000đồng. Xét yêu cầu của anh N là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Đối với số tiền 90.000.000 đồng anh K có góp vào để mua tài sản cùng với anh H, việc này được anh Kiên, anh H thừa nhận nhưng không ghi nhận tại hợp đồng mua chung máy ngày 28/12/2022 giữa anh N và anh H. Anh K thống nhất giao máy cho anh H quản lý, sử dụng và thống nhất anh H trả lại cho anh N phần giá trị tài sản của anh N. Đồng thời anh K không đề nghị Tòa án xem xét giải quyết số tiền 90.000.000đồng anh đã góp với anh H. Anh và anh H sẽ tự thỏa thuận nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[4] Đối với các khoản tiền anh N và anh H đã thuê máy và sửa chữa máy, anh N và anh H đã tự thỏa thuận xong, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải giải quyết.

[5] Đối với số tiền 38.000.000đồng, anh N không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên Hội đồng xét xử không phải xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Do được chấp nhận yêu cầu nên anh N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Anh H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 khoản 2 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định vềán phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147; Điều 227, 228; Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 165; 166; Điều 207, 208, 209, 357 và 468 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 26, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Xác định chiếc xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3 theo hợp đồng chung máy ngày 28/12/2022 được ký kết giữa anh Lương Xuân H và anh Phan Văn N là tài sản chung của anh Lương Xuân H và anh Phan Văn N . Giá trị còn lại là 250.000.000đồng (Hai trăm năm mươi triệu đồng). Anh Lương Xuân H và anh Phan Văn N mỗi người sở hữu $\frac{1}{2}$ tài sản tương đương với giá trị là 125.000.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng).

2. Anh Lương Xuân H được quyền sở hữu, sử dụng đối với chiếc máy xúc nhãn hiệu HITACHI 200 – 3. (Tài sản đang do anh H quản lý, sử dụng).

3. Anh Lương Xuân H có trách nhiệm hoàn trả lại cho anh Phan Văn N $\frac{1}{2}$ tài sản tương đương với số tiền là 125.000.000đồng (Một trăm hai mươi lăm triệu đồng), trừ vào số tiền anh N đã nhận 17.000.000đồng (Mười bảy triệu đồng). Như vậy, anh H còn phải hoàn trả lại cho anh N số tiền là 108.000.000đồng (Một trăm lẻ tám triệu đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải trả tiền lãi cho người được thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

4. Án phí dân sự sơ thẩm:

Anh Phan Văn N không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho anh Phan Văn N số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0004786 ngày 19 tháng 01 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tứ Kỳ, tỉnh Hải Dương.

Anh Lương Xuân H phải chịu 5.400.000đồng (Năm triệu bốn trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo của đương sự: Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự

vắng mặt có quyền kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo qui định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tứ Kỳ;
- Chi cục THADS huyện Tứ Kỳ;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Phạm Mỹ Như